

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 -10 -2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A - Sinh năm 1990
Nơi ĐKKHKT: Xóm 10, xã N, huyện T, tỉnh T.
Địa chỉ hiện nay: Tổ 45, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1983
Trú tại: Xóm 10, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị A (có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt), có mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A cung cấp có nội dung trình bày và đề nghị: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và được UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2010 ngày 25/02/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và có một con chung là cháu Nguyễn Nhật N. Nhưng vì thời gian tìm hiểu quá ngắn, chưa hiểu hết tính cách, quan điểm sống của nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Anh T không có công việc ổn định, bị bệnh u bàng quang, thường xuyên ốm đau, chị trở thành người lao động chính của gia đình. Thay vì thương vợ vất vả, anh T thường có thái độ không tôn trọng còn đánh chị, không thể chịu đựng được tính cách ngang ngược của anh T. Sau nhiều lần cãi vã thì chị cảm thấy không còn nhiều tình cảm dành cho nhau. Vì thương con và phải chăm lo cho tương lai của con nên tháng 11/2016, chị mang con vào niền nam làm ăn, sinh sống cho đến nay. Tháng 12/2016, anh T có đi tìm con một lần và không hề mong muốn đón vợ về để gia đình đoàn tụ. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật N sinh ngày 06/5/2012, hiện cháu đang ở với mẹ. Từ khi sinh con chị là người luôn lo lắng, chăm sóc đầy đủ cho con. Hai mẹ con sống cùng nhà với anh trai tại Tổ 45, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cháu N được chị cùng gia đình bên ngoại chăm sóc toàn diện về thể lực và tinh thần. Trong khi anh Tiến thường ốm đau, bệnh tật, đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội theo Nghị định 67/CP nên không đủ điều kiện nuôi con. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân gần nơi chị sinh sống, mức lương bình quân 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 8 năm 2018, các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị A đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình và được tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Được sự chấp thuận của bố mẹ vợ cho mượn đất xây quán buôn bán làm ăn, mở cửa hàng sửa chữa điện lạnh T. Cửa hàng mở được mấy ngày thì bố mẹ vợ đuổi đi không cho mượn đất nữa. Vợ chồng thuê đất nơi khác để làm. Trong lúc đang xây quán mới thì vợ mang con bỏ trốn, anh đi tìm và mang con về nhưng cô A giăng lại, anh có tát cô A hai cái. Sau đó cô A mang con vào nam ở cho đến nay. A đi tìm hai mẹ con và khuyên bảo vợ con về nhưng cô A không chấp nhận. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng cô A không về. Anh không đồng ý ly hôn vì những điều cô A khai chưa đúng, chưa hoàn toàn phù hợp với cuộc sống gia đình văn hóa dân tộc. Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải nhằm đáp ứng hạnh phúc gia đình một vợ, một chồng nuôi con, tránh tình tình cháu hấp thu những điều tiêu cực từ xã hội trở thành người không tốt.

Đề nghị Tòa án triệu tập cô A về Tòa án để giải quyết và đem con trai Nguyễn Nhật N về. Nếu Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng không được, cô A

không đồng thuận lấy anh làm chồng nữa thì đề nghị quý Tòa giải quyết theo đơn của cô A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật N sinh ngày 06/5/2012, hiện cháu đang ở với mẹ. Anh yêu cầu được nuôi con vì anh có đủ khả năng để nuôi con tới tuổi trưởng thành, cụ thể: Anh bị bệnh u bàng quang nhưng đã điều trị khỏi, hiện tại sức khỏe tốt, anh làm nghề mua bán, sửa chữa điện lạnh, công việc kinh doanh ổn định thu nhập bình quân: 8.000.000đ/tháng, có nhà đất gần trường học, ông bà nội của cháu đang còn khỏe có thể giúp anh nuôi con. Còn chị A làm công nhân, đang ở nhờ nhà, không có đầy đủ tố chất nuôi con thành người, cụ thể là không có nội tâm người phụ nữ công, dung, ngôn, hạnh.

Nếu anh được nuôi con anh yêu cầu chị A cấp dưỡng 500.000đ/tháng. Trường hợp chị A nuôi con, anh cấp dưỡng 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và nợ. Bản tự khai ngày 03/8/2018 và trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản và nợ.

Ngày 05/10/2018, Tòa án nhận được Đơn đề nghị không đề ngày, tháng, năm của anh T và tại phiên tòa: Anh T kê khai tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Vợ chồng có một thửa đất diện tích 200m² tại xóm 11, xã N và các khoản nợ vay để mua đất tổng cộng 124.000.000đ.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, cung cấp tài liệu chứng cứ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa có lý do và có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn tham gia tố tụng, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân xử cho chị Nguyễn Thị Anh được ly hôn anh Nguyễn Văn Tiến. Về con chung: Giao cháu Nam cho chị Anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Tách yêu cầu giải quyết phần tài sản và nợ của anh Tiến, không giải quyết trong vụ án này. Anh Tiến có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị A nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm 10, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T có đơn đề nghị Tòa án triệu tập chị A về tham gia tố tụng và hòa giải. Tòa án đã gửi Giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp, Quyết định đưa vụ

án ra xét nhưng chị A vẫn tiếp tục đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, có lần xô xát như anh T thừa nhận có tát chị A vài cái. Vợ chồng sống ly thân thời gian dài từ tháng 11/2016 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh T và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Hiện tại anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/9/2018, chị A vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị A được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật N sinh ngày 06/5/2012. Chị A và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng. Xét anh T hiện nay có công việc và thu nhập ổn định tuy nhiên anh bị bệnh ung thư và đang được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 67/CP nên điều kiện nuôi con sẽ gặp khó khăn.

Chị A là người chăm sóc con chủ yếu, cháu khỏe mạnh bình thường, đi học đầy đủ. Phụ nữ và chính quyền xã Nông Trường xác nhận trong thời gian sống tại địa phương chị A chấp hành tốt pháp luật, chăm sóc con tốt, không có hành vi bạo hành con. Tại giấy khám sức khỏe ngày 30/5/2018 của Phòng khám Đa khoa Quốc tế Long Bình- TP Biên hòa kết luận hiện tại sức khỏe Nguyễn Nhật N tốt, cân nặng 27 kg, chiều cao 125cm. Giấy xác nhận của Ban giám hiệu Trường Mầm non KT580 ngày 30/5/2018 xác nhận Cháu Nguyễn Nhật N học tại Trường Mầm non KT580 từ năm 2016 đến nay. Hiện cháu là một học sinh khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát trong mọi hoạt động. Cháu chăm ngoan, học giỏi, chơi hòa đồng với bạn bè. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay chị đang ở nhà của anh trai tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai không phải đóng tiền thuê nhà. Chị làm công nhân giày da thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng.

Như vậy, chị A có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu Nhật N cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng nhưng chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung nên chị A và anh T có quyền tự thỏa thuận với nhau về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị A không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung, chị A và gia đình không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ: Ngày 05/10/2018 anh T nộp đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản và nợ sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/9/2018, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/QĐXX-ST ngày 25/9/ 2018. Căn cứ vào Điều 199 và Điều 200 BLTTDS, Hội đồng xét xử tách yêu cầu giải quyết phần tài sản và nợ chung của anh T, không giải quyết trong vụ án này. Anh T có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 199, Điều 200, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Nhật N sinh ngày 06/5/2012. Giao cháu N cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tách yêu cầu giải quyết phần tài sản và nợ của anh T, không giải quyết trong vụ án này. Anh T có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0005113 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

